SỞ LAO ĐỘNG – TBXH TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM

BẢN TIN
BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ I/2023

An Giang, ngày 13 tháng 04 năm 2023

PHẦN I. THÔNG TIN VỀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

1. Số người hưởng trợ cấp thất nghiệp

Trong Quí I/2023, trên địa bàn tỉnh An Giang số người nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) là 4.933 người, trong đó số người được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 3.370 người.

***Biểu đồ 01*: Một số chỉ tiêu thực hiện BHTN, Quí I/2023**

Đơn vị tính: người

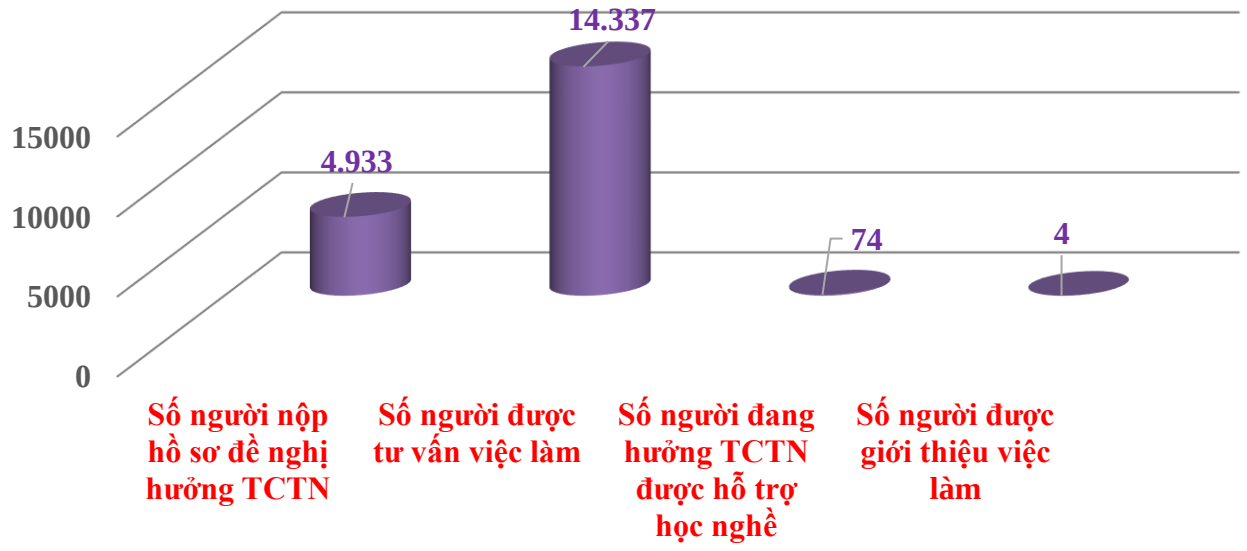

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

2. Trình độ chuyên môn

Trình độ chuyên môn của người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng TCTN trong Quí I/2023 như sau:

Người lao động không có bằng cấp chứng chỉ là 3.297 người chiếm 84,58%; người lao động có chứng nhận, chứng chỉ nghề là 55 người chiếm 1,41%; Người lao động có trình độ Trung cấp nghề, trung học chuyên nghiệp là 231 người chiếm 5,93%; Cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp là 71 người chiếm 1,82%; Người lao động có trình độ Đại học và trên đại học là 244 người, chiếm 6,26% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp.

***Biểu đồ 02*: Trình độ chuyên môn của người lao động Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

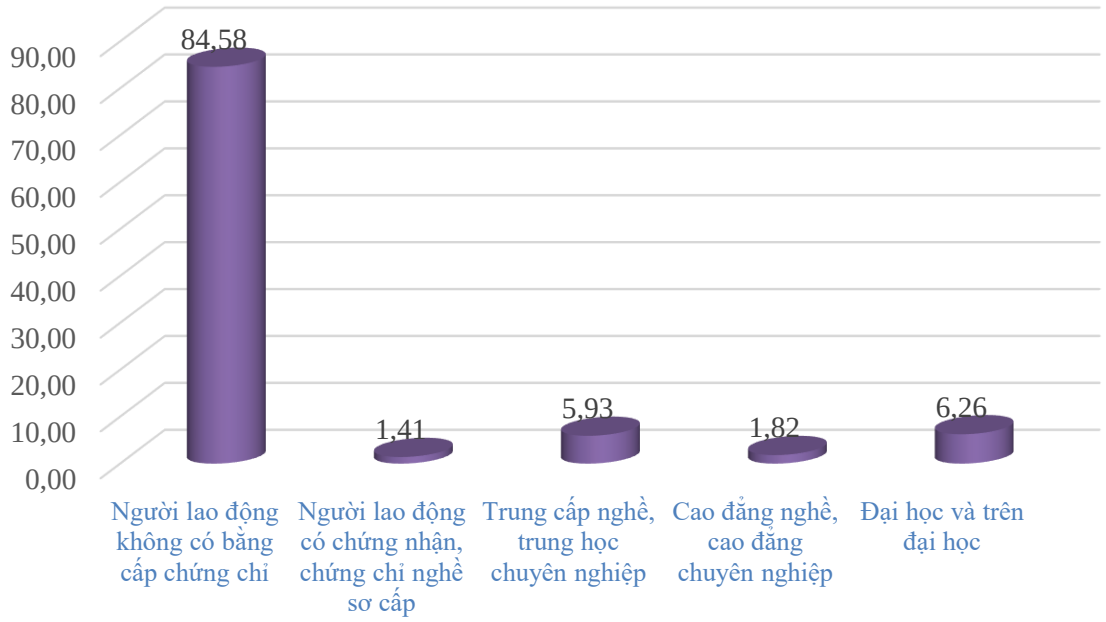

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

3. Ngành nghề người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp

Đối với các ngành có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành có số lượng người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp nhiều nhất chiếm 71,16% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; Hoạt động dịch vụ khác chiếm 16,21%; Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,05%; Giáo dục và đào tạo chiếm 1,98%; Xây dựng chiếm 1,82%; Bán buôn và bán lẻ; Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 1,28%; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội chiếm 1,00%; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ cùng chiếm 0,05% là những ngành chiếm tỷ trọng thấp nhất.

Nghề nghiệp của người lao động nộp hồ sơ hưởng TCTN tập trung chủ yếu ở một số nghề như: Thợ may, thêu và các thợ có liên quan chiếm 47,87% số người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; Nghề nghiệp khác chiếm 39,35%; Nhân viên bán hàng chiếm 3,9%; Thợ lắp ráp chiếm 2,44%; Kế toán chiếm 1,26%; Lái xe khách, xe tải, xe máy chiếm 0,77%; Giáo viên dạy nghề chiếm 0,69%, Nhân viên dịch vụ bảo vệ chiếm 0,64%... Ngoài ra, còn một số nghề có tỉ lệ lao động thất nghiệp thấp như Hướng dẫn viên du lịch chiếm 0,05%; Giao dịch viên ngân hàng chiếm 0,15%; người đưa tin, người giao hàng chiếm 0,13%...

***Biểu đồ 03*: Cơ cấu người nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo ngành nghề**

Đơn vị tính: %

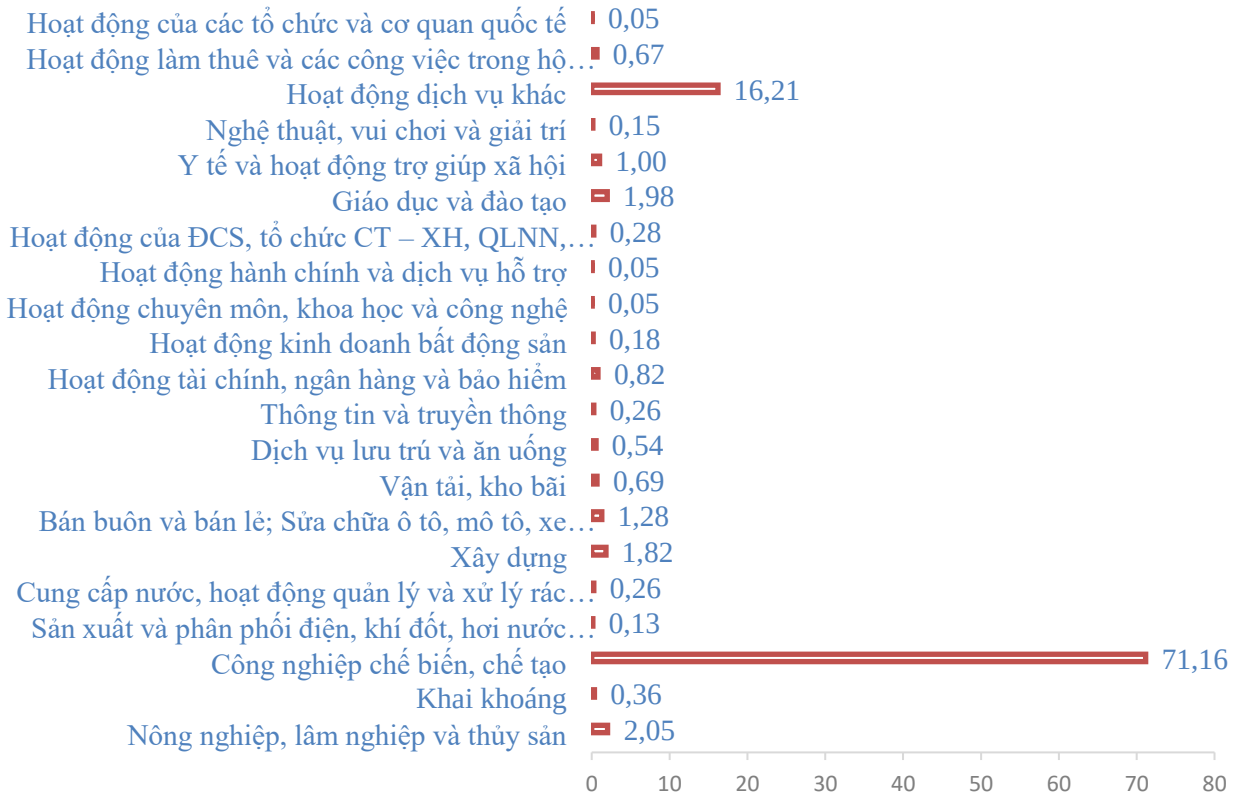

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/20223

4. Loại hình tổ chức, doanh nghiệp

Loại hình tổ chức, doanh nghiệp có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp chiếm tỷ trọng nhiều nhất là Doanh nghiệp tư nhân 2.040 người chiếm 52,33%; Doanh nghiệp nước ngoài (FDI) 1.618 người chiếm 41,51%; tiếp đến là đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội 126 người chiếm 3,23%; Doanh nghiệp nhà nước 96 người chiếm 2,46%; Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh 10 người chiếm 0,26%; Hợp tác xã 08 người chiếm 0,21%; là loại hình có người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp thấp nhất.

***Biểu đồ 04*: Lao động làm việc trong loại hình doanh nghiệp**

Đơn vị tính: %

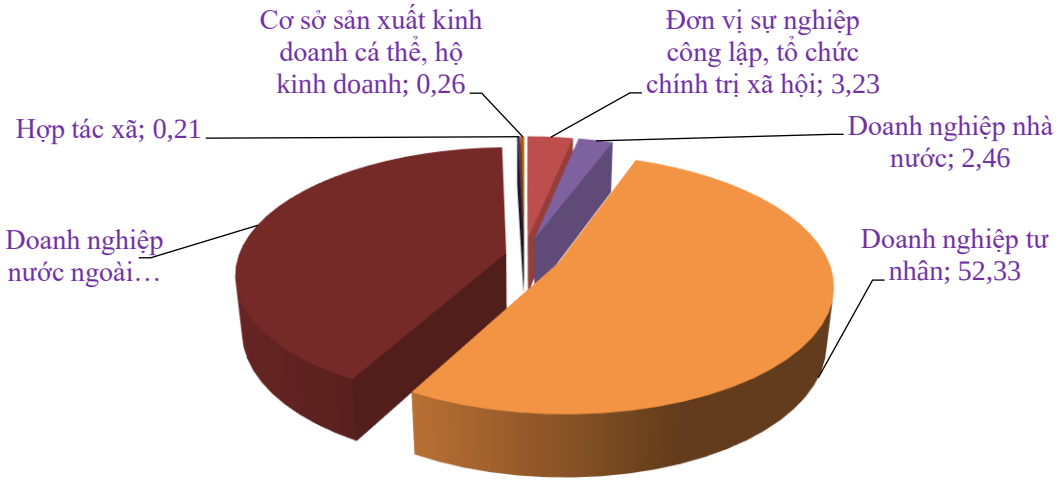

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

5. Hợp đồng lao động của người lao động

Trong tổng số lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, phần lớn là những người có hợp đồng không xác định thời hạn 1.920 người chiếm 49,26%; Hợp đồng từ 12 đến 36 tháng 1.905 người chiếm 48,87%; Hợp đồng HĐLĐ từ 3 tháng đến dưới 12 tháng 67 người chiếm tỷ trọng 1,72% và HĐLV 06 người chiếm tỷ trọng thấp nhất chiếm 0,15%.

***Biểu đồ 05*: Biểu đồ HĐLĐ của người lao động thất nghiệp Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

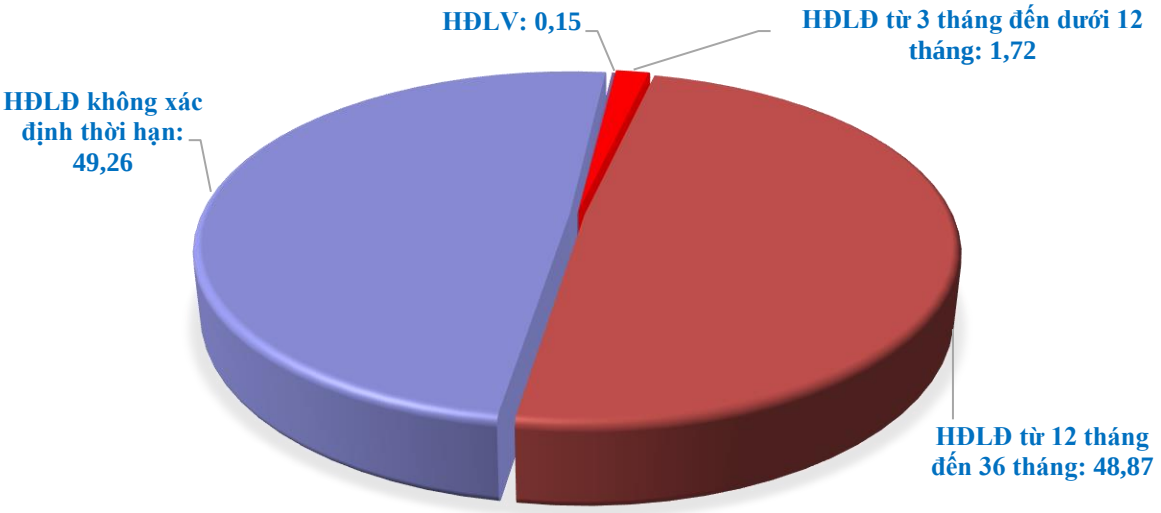

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

6. Nguyên nhân thất nghiệp

Theo số liệu thống kê từ phần mềm quản lý dữ liệu Bảo hiểm thất nghiệp, nguyên nhân thất nghiệp của người lao động chiếm tỷ trọng nhiều nhất là Chấm dứt HĐLĐ/HĐLV trước hạn 2.556 người chiếm 65,57%; tiếp đến là mất việc làm do nguyên nhân khác 1.240 người chiếm 31,81%; Mất việc làm do Hết hạn HĐLĐ/HĐLV 51 người, chiếm 1,31%; mất việc làm do doanh nghiệp, tổ chức giải thể, phá sản, thay đổi cơ cấu… 35 người chiếm 0,9%; do người lao động bị xử lý kỷ luật, sa thải 9 người chiếm 0,23%; Do đơn phương chấm dứt HĐLĐ/HĐLV trái pháp luật 07 chiếm tỷ trọng thấp nhất 0,18%;

Nguyên nhân thất nghiệp cụ thể do:

Doanh nghiệp mất đơn hàng: Số lượng đơn hàng sụt giảm, chi phí nhiên liệu, vận chuyển tăng cao là những nguyên nhân cơ bản khiến cho rất nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm số lượng lớn lao động.

Một số doanh nghiệp lớn trong các ngành dệt may, da giày có tình trạng giảm đơn hàng và hàng hóa không xuất đi được dẫn đến các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, buộc phải cắt giảm số lượng lớn lao động đang làm việc tại doanh nghiệp.

Do nhiều nguyên nhân khác như doanh nghiệp thiếu vốn sản xuất kinh doanh nên buộc phải thu hẹp cơ sở sản xuất, nhà xưởng, làm ăn thua lỗ dẫn đến 1 số doanh nghiệp buộc phải giải thể…

***Biểu đồ 06*: Nguyên nhân thất nghiệp của người lao động, Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

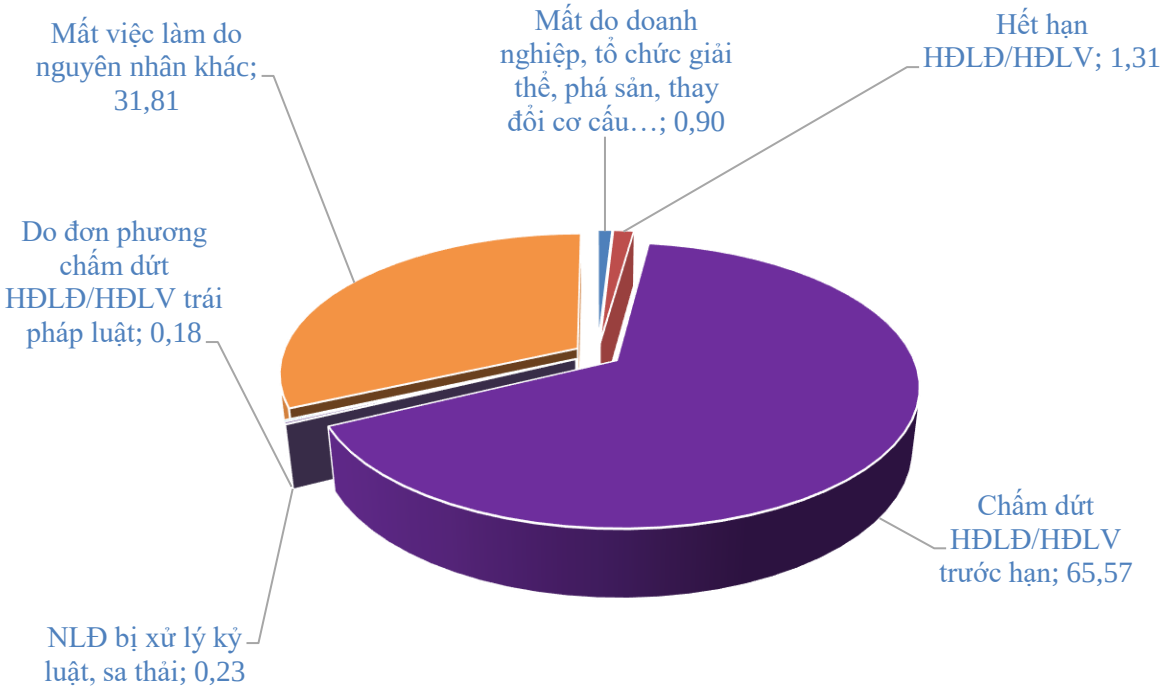

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

7. Thời gian và mức hưởng trợ cấp thất nghiệp

Theo số liệu thống kê từ phần mềm BHTN, thời gian hưởng TCTN quí 1/2023 thì thời gian hưởng TCTN chiếm tỷ trọng cao nhất là hưởng TCTN từ 03 – 06 tháng với 2.517 quyết định chiếm 74,69% và hưởng TCTN từ 07 – 12 tháng với 853 quyết định chiếm 25,31%.

Mức hưởng TCTN bình quân trong Quí I/2023 là 3.460.000 đồng. Tổng số tiền hưởng Bảo hiểm thất nghiệp trong quí 1/2023 là 60.738.640.000 đồng, trong đó chi trả TCTN là 60.386.140.000 đồng, chi hỗ trợ học nghề là 352.500.000 đồng.

***Biểu đồ 07*: Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

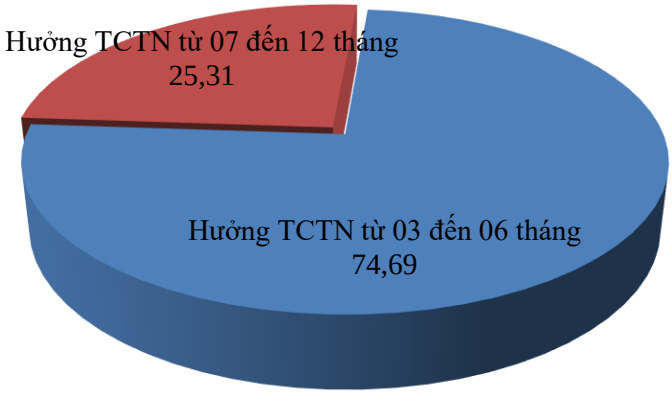

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp quí 1/2023

8. Giới tính và độ tuổi của người hưởng trợ cấp thất nghiệp

Tỷ trọng lao động có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với nữ giới là 1.776 người chiếm 52,7% và nam giới thấp hơn là 1.594 người chiếm 47,3%.

***Biểu đồ 08*: Giới tính của người lao động thất nghiệp, Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

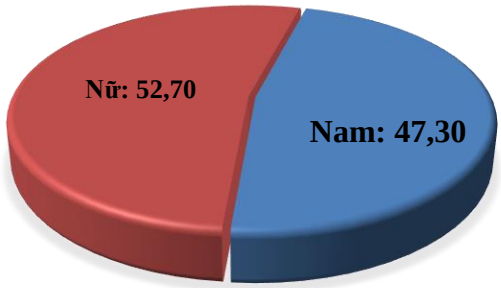

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

Tỷ trọng lao động có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp dưới 25 tuổi là 887 người chiếm 26,32%; Từ 25 đến 40 tuổi là 1.932 người chiếm 57,33%; Trên 40 tuổi là 551 người chiếm 16,35%.

***Biểu đồ 09*: Độ tuổi của người lao động thất nghiệp Quí I/2023**

Đơn vị tính: %

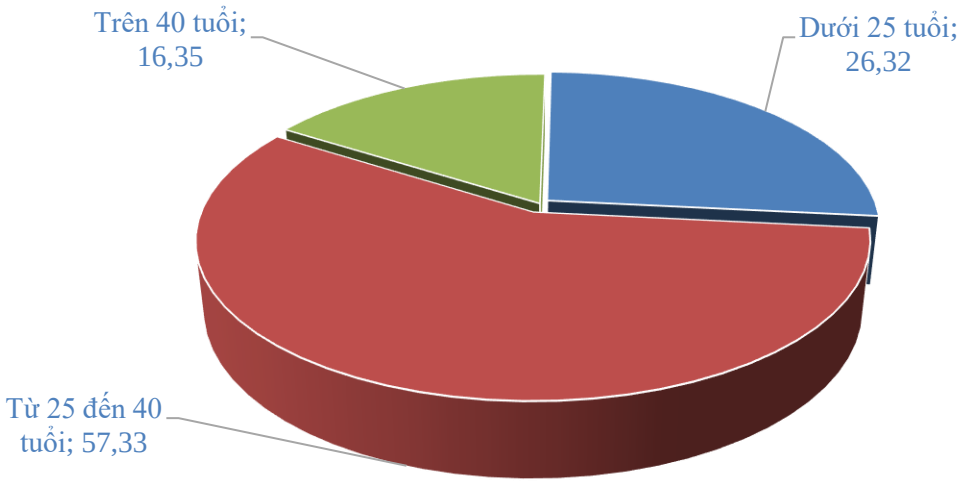

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

9. Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ học nghề

Tổng số người lao động nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp đều được tư vấn các thủ tục, chính sách về Bảo hiểm thất nghiệp việc làm và học nghề. Số người được tư vấn trong Quí I/2023 là 22.110 người, số người được hỗ trợ học nghề là 74 người.

10. Số người được quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp chia theo đơn vị hành chính

***Bảng 01*: Số lượng quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp phân theo huyện, thị, thành phố trong tỉnh An Giang**

STT	Đơn vị	Số người	Tỷ lệ (%)
01	Huyện An Phú	217	6,44
02	Thành phố Châu Đốc	114	3,38
03	Huyện Chợ Mới	431	12,79
04	Huyện Châu Phú	356	10,56

STT	Đơn vị	Số người	Tỷ lệ (%)
05	Huyện Châu Thành	455	13,50
06	Thành phố Long Xuyên	588	17,45
07	Huyện Phú Tân	260	7,72
08	Huyện Tịnh Biên	195	5,79
09	Thị xã Tân Châu	315	9,35
10	Huyện Thoại Sơn	254	7,54
11	Huyện Tri Tôn	185	5,49
	Tổng cộng	**3.370**	**100**

Nguồn: Tổng hợp từ phòng Bảo hiểm thất nghiệp Quí I/2023

PHẦN II. THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM TRONG NƯỚC

1. Khảo sát thu thập trực tiếp tại Trung tâm và Website

Trong Quí I/2023, qua số liệu thu thập trực tiếp tại Trung tâm và trên website có 164 doanh nghiệp (giảm 41,64 so với cùng kỳ năm 2022), với nhu cầu tuyển dụng với 2.291 vị trí việc làm trống.

a) Nhu cầu tuyển dụng phân theo loại hình doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động trong Quí I/2023 như sau: Doanh nghiệp nhà nước có nhu cầu tuyển dụng 31 người (chiếm tỷ lệ 1,35%); Doanh nghiệp ngoài nhà nước có nhu cầu tuyển dụng 1.916 người (chiếm tỷ lệ 83,63%); Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu tuyển dụng 213 người (chiếm tỷ lệ 9,30%): Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ kinh doanh có nhu cầu tuyển dụng 131 (chiếm tỷ lệ 5,72%)

***Biểu đồ 10*:** Nhu cầu tuyển dụng lao động phân theo loại hình doanh nghiệp trong Quí I/2023

Đơn vị tính: %

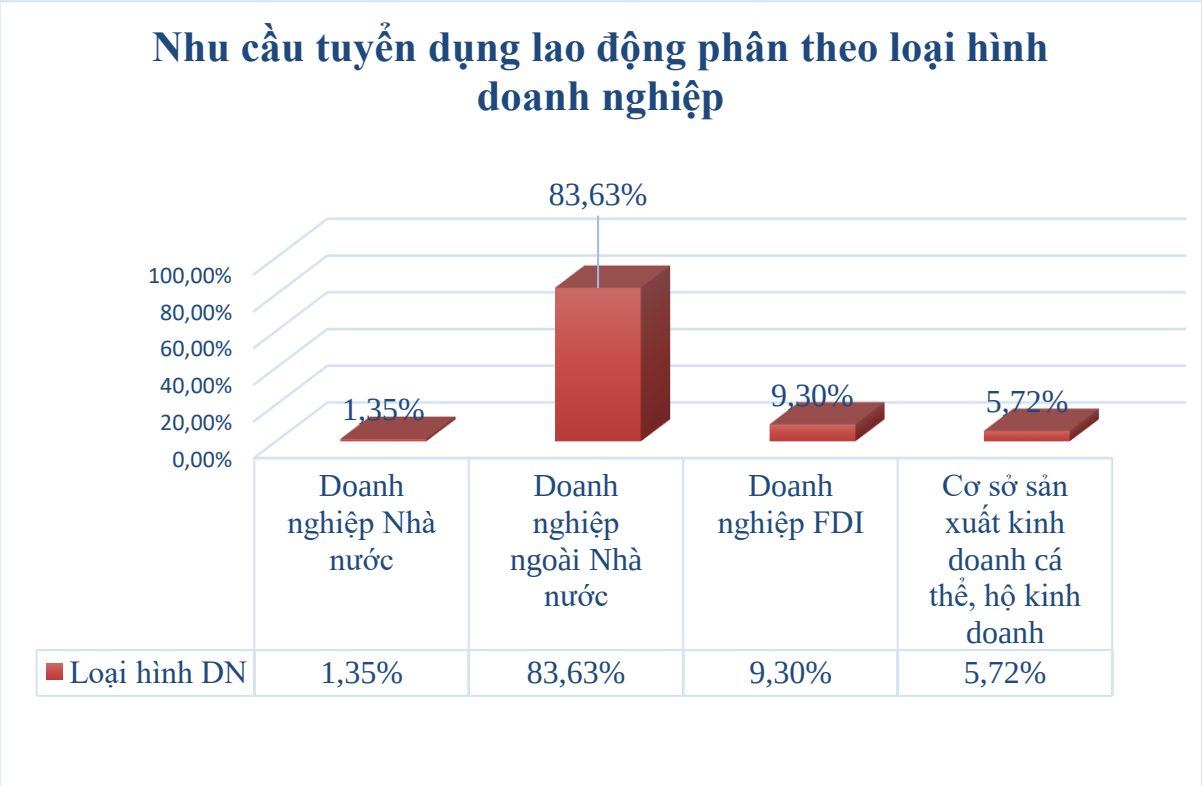

Nguồn: Số liệu khảo sát, thu thập tại Trung tâm và trên website, Quí I/2023

b) Nhu cầu tuyển dụng phân theo nhóm nghề (vị trí việc làm)

Bảng 02: Một số nghề có nhu cầu tuyển dụng cao nhất trong Quí I/2023

Đơn vị tính: Người

STT	Nhóm nghề	Số lượng tuyển	Tỷ lệ (%)
1	Bán hàng và tiếp thị	85	3,71%
2	Điện tử, viễn thông	3	0,13%
3	Công nghệ thông tin	5	0,22%
4	Ngôn ngữ, phiên dịch	1	0,04%
5	Quản lý	11	0,48%
6	Nhân sự	3	0,13%
7	Hành chính văn phòng	17	0,74%
8	Kế toán, kiểm toán	51	2,23%
9	May mặc	1916	83,63%
10	Cơ khí, tự động hóa	15	0,65%
11	Xuất nhập khẩu	1	0,04%
12	Kiến trúc, kỹ thuật công trình	6	0,26%
13	Y tế	5	0,22%
14	Lao động phổ thông	146	6,37%
15	Bảo vệ, vệ sĩ	1	0,04%
16	Các ngành nghề khác	25	1,09%
	Tổng cộng	**2.291**	**100%**

Nguồn: Số liệu khảo sát, thu thập tại Trung tâm và trên website, Quí I/2023

c) Nhu cầu tuyển dụng theo mức lương và kinh nghiệm làm việc

Đơn vị tính: %

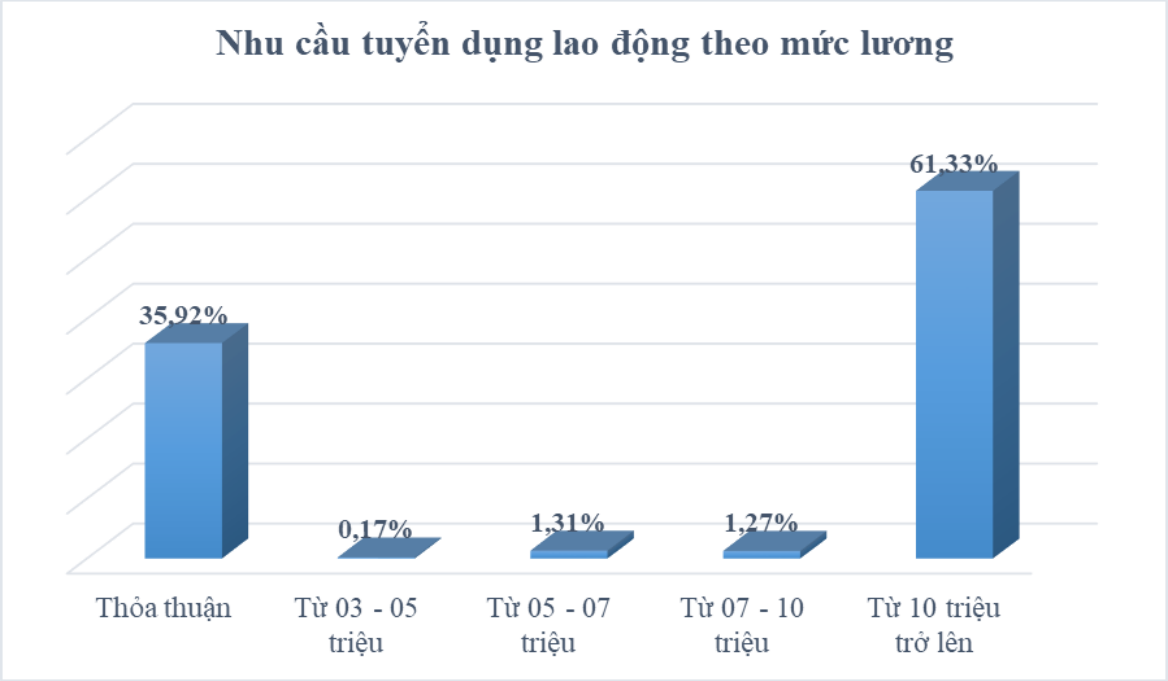

Biểu đồ 10: *Nhu cầu tuyển dụng theo mức lương Quý I/2023*

Để ứng tuyển vào các vị trí việc làm có mức lương cao, đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc lâu năm và với từng vị trí công việc của ngành nghề khác nhau sẽ có mức lương tương ứng, phù hợp. Kết quả khảo sát, nhu cầu tuyển dụng ứng với mức lương cụ thể sau:

- Mức lương từ 3 - 5 triệu đồng (chiếm 0,17%) ở các vị trí việc làm như: Nhân viên văn phòng, kế toán, nhân viên bán xăng, giữ trẻ,…

- Mức lương từ 5 - 7 triệu đồng (chiếm 1,31%) ở các vị trí như: Nhân viên văn phòng, giúp việc nhà, lễ tân, kế toán viên, bán hàng, phát triển thị trường, tiếp thị, kỹ thuật viên tin học, giao dịch viên, nhân viên dịch vụ khách hàng,..

- Mức lương từ 7 - 10 triệu đồng (chiếm 1,27%) tập trung tuyển dụng ở các vị trí việc làm như: nhân viên thủ kho, chăn nuôi, kế toán, nhân viên bảo trì thang máy,…

- Mức lương trên 10 triệu đồng (chiếm 61,33%) chủ yếu ở các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, có tay nghề, có kinh nghiệm như: Thợ chế biến thực phẩm, gỗ, may mặc và thợ khác có liên quan, ngôn ngữ, phiên dịch, cửa hàng trưởng, kế toán tổng hợp,…

Ngoài ra, một số doanh nghiệp cũng có nhu cầu tuyển dụng các vị trí việc làm không đòi hỏi nhiều kinh nghiệm như: giúp việc nhà, thợ chế biến thực phẩm, may mặc, kế toán kho, giáo viên mầm non, giao dịch viên, nhân viên thu cước, phát triển

thị trường, hành chính nhân sự, nhân viên bán hàng, giám sát thi công xây dựng, kỹ thuật viên tin học, điều dưỡng,…với mức lương thỏa thuận khi tuyển dụng chiếm 35,92%.

Về yêu cầu kinh nghiệm làm việc: Nhu cầu tuyển dụng tuyển dụng đã có kinh nghiệm chiếm 3,97% tổng nhu cầu tuyển dụng. Trong đó chủ yếu ở yêu cầu có từ 01 đến dưới 03 năm kinh nghiệm ở các vị trí như: Kế toán thuế, kế toán kho, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng, giao dịch viên, phiên dịch viên tiếng nhật, kỹ sư thủy sản, kỹ sư cơ khí, nhân viên kỹ thuật, nhân viên cung ứng, nhân viên bán hàng, giám sát thi công xây dựng, quản lý nhà hàng, trợ lý giám đốc, cửa hàng trưởng, trưởng phòng kinh doanh, điều dưỡng, nhân viên hành chính nhân sự, giám sát,…

Nhu cầu tuyển dụng không yêu cầu kinh nghiệm làm việc chiếm 96,03%, ở các vị trí: giáo viên mầm non, nhân viên thu cước, lễ tân, nhân viên thủ kho, công nhân chăn nuôi, nhân viên quầy dược, nhân viên sale, phát triển thị trường, giao dịch viên, kỹ thuật viên tin học, giúp việc nhà, chăm sóc người già, giữ trẻ, lái xe nâng, thống kê vùng nuôi, nhân viên bảo vệ, nhân viên bảo trì thang máy, hành chính văn phòng, nhân sự, lao động giản đơn,…

Đơn vị tính: %

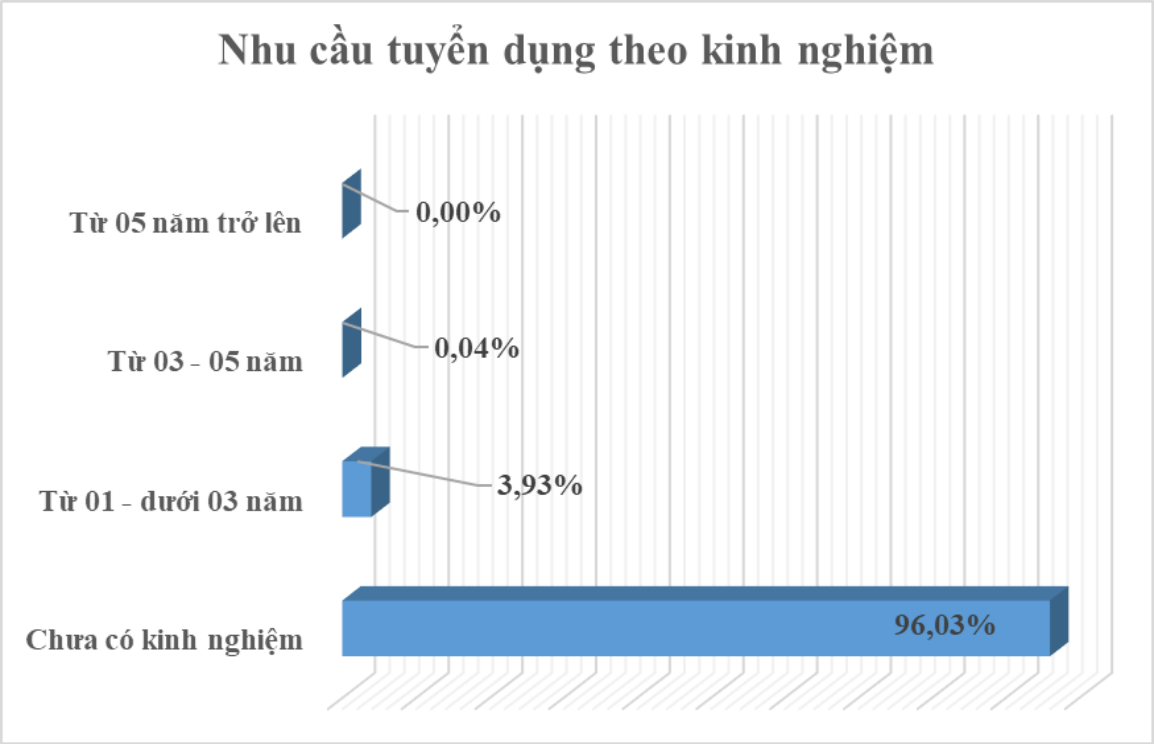

Biểu đồ 11: Nhu cầu tuyển dụng theo kinh nghiệm, Quý I/2023

d) Nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

*** Bảng số 03:** Nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ chuyên môn kỹ thuật trong Quý I/2023:

ĐVT: Người

Stt	Trình độ chuyên môn		Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	**2.291**	**100%**
1	Đại học trở lên	37	1,62%
2	Cao đẳng	53	2,31%
3	Trung cấp	93	4,06%
4	Sơ cấp	0	0,00%
5	LĐ không có TĐ CMKT	2.108	92,01%

Nguồn: *Số liệu thu thập tại Trung tâm và trên website, Quý I/2023*

Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp theo trình độ chuyên môn kỹ thuật tuyển dụng ở các vị trí như sau:

- Lao động không có TĐCMKT chiếm tỷ lệ rất cao 92,01%, tuyển dụng các vị trí sau: Nhân viên bán hàng, tiếp thị, giúp việc nhà, thợ chế biến thực phẩm, gỗ, may mặc, lao động giản đơn, công nhân sản xuất, nhân viên kinh doanh, nhân viên thu cước, phục vụ, nhân viên thủ kho, chăn nuôi, nhân viên bán hàng, phụ việc, nhân viên thị trường, nhân viên bán xăng, nhân viên sale, kinh doanh, bán hàng, chăm sóc người già, nhân viên giao nhận, lái xe nâng, giữ trẻ, nhân viên bảo vệ, phát triển thị trường, tiếp thị,…

- Trung cấp - Cao đẳng - Đại học (7,99%) tuyển dụng gồm các vị trí: Nhân viên dịch vụ khách hàng, bán hàng, tiếp thị, trưởng phòng kinh doanh, nhân viên kinh doanh, nhân viên kỹ thuật, nhân viên văn phòng, phát triển thị trường, kế toán thuế, kế toán kho, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán ngân hàng, kỹ sư thủy sản, kỹ sư cơ khí, giáo viên mầm non, giao dịch viên, nhân viên nhân sự, lễ tân, cửa hàng trưởng, phiên dịch viên tiếng nhật, nhân viên cung ứng, nhân viên quầy dược, trưởng quầy dược, điều dưỡng, giám sát thi công xây dựng, quản lý nhà hàng, nhân viên vận hành, trợ lý giám đốc, kỹ thuật viên tin học, thống kê vùng nuôi, nhân viên bảo trì thang máy, kỹ sư xây dựng, kiến trúc,…

2. Khảo sát thu thập tại các huyện, thị xã, thành phố

Ngoài ra trong Quí I/2023, Trung tâm đã tiến hành khảo sát thu thập về nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại huyện An Phú *(06 Doanh nghiệp)*, huyện Phú Tân *(06 Doanh nghiệp)*, Thị xã Tân Châu *(12 Doanh nghiệp)* và Thành phố Long Xuyên (phường Bình Khánh, Đông Xuyên, Mỹ Xuyên, Mỹ Hòa, …) tổng cộng là 60 doanh nghiệp.

- Nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp với số lượng lao động cần tuyển dụng là 343 vị trí *việc làm trống.* Trong đó, Đại học 26 lao động, Cao đẳng 11 lao động, Trung cấp 100 lao động, Sơ cấp 11 lao động, Công nhân kỹ thuật không bằng 35 lao động, Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật 160 lao động.

- Các ngành nghề theo nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp như sau: Công nhân May, kỹ sư thiết kế công trình, cơ khí, chuyên viên tư vấn, nhân viên sale, bán hàng, thống kê, giao hàng, kinh doanh, kế toán, ….

Nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp Quí I/2023

(Đợt 1, Từ ngày 01/03/2023 – 28/03/2023)

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
1	LONG XUYÊN	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TƯ VẤN XÂY DỰNG HƯNG TRIẾT	0943130404	Số lượng: **01** Nam, Thiết kế, giám sát công trình (Đại học)
2		CÔNG TY TNHH FIRSTEX AN GIANG	0918738213	Số lượng: **100** Nam/Nữ, Công nhân may (LĐPT)
3		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TIẾN MỘC	0967210246	Số lượng: **07** Nam/Nữ, Kỹ sư thiết kế công trình giao thông
4		CÔNG TY CP CƠ KHÍ AN GIANG	02963852969	Số lượng: **09** Nam, Công nhân cơ khí (Trung cấp)
5		CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN NAM MIỀN TÂY	02963816789	Số lượng: **20** Nam/Nữ, Chuyên viên tư vấn (Trung cấp)
6		CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP THIÊN MINH	0968016660	Số lượng: **01** Nam/Nữ, Nhân viên Sales thuốc BVTV (Trung cấp)
7		CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ VÀ PHẦN MỀM GPM VIỆT NAM	0902777186	Số lượng: **01** Nam/Nữ, Trợ lý giám đốc (Đại học)
8		CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI	0946186899	Số lượng: **02** Nam/Nữ, Trưởng phòng Nhân sự, kho vận (Đại học)

BẢN TIN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP VÀ VIỆC LÀM QUÍ I/2023

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
9		CÔNG TY TNHH MTV CHẾ BIẾN THỦY SẢN P&H	02963727375	Số lượng: **02** Nam/Nữ, NV Thống kê Thủy sản (Trung cấp)
10		CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH & TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ	02963989500	Số lượng: **10** Nam/Nữ, Giáo viên tiếng Nhật, chuyên viên quản lý (Trung cấp, Đại học, tiếng Nhật N3 trở lên)
11		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ TIN HỌC AN GIANG	02963859958	Số lượng: **02** Nam/Nữ, Nhân viên công nghệ thông tin (TNTHPT, Đại học)
12		CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG ARES	0907257433	Số lượng: **01** Nam/Nữ, TP kinh doanh (Đại học)
13	**LONG XUYÊN**	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN CƠ LÊ THANH	0918760026	Số lượng: **02** Nam/Nữ, Kế toán (Trung cấp)
14		CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CATHAY VIỆT NAM VĂN PHÒNG LONG XUYÊN	0984194824	Số lượng: **30** Nam/Nữ, Chuyên viên tư vấn – hoạch định tài chính (Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)
15		CÔNG TY TÀI CHÍNH SHINHAN FINANCE VIỆT NAM	02839113666	Số lượng: **02** Nam/Nữ Admin hành chính khối nghiệp vụ tín dụng (Đại học).
16		CHI NHÁNH AN GIANG - CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT	0989324198	Số lượng: **10** Nam/Nữ, Nhân viên kinh doanh (TNTHPT)
17		CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG	02963844848	Số lượng: **10** Nam/Nữ, Công nhân thu gom rác, quét rác (LĐPT)
18		CÔNG TY TNHH IN MAY ĐIỀN TA	0907869986	Số lượng: **52** Nam/Nữ, Công nhân may, in, thiết kế đồ họa (Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học)

STT	Đơn vị	Tên Doanh Nghiệp	Điện thoại	Nhu cầu tuyển dụng lao động
19		CÔNG TY TNHH MAY XUẤT KHẨU THÀNH AN	0919247228	Số lượng: **15** Nam/Nữ, Công nhân may (CNKTKB)
20	**AN PHÚ**	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THU THU NGỌC	0913773934	Số lượng: **02** Nam, Kỹ sư xây dựng.
21	**TÂN CHÂU**	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUÂN XUÂN MAI	0888851415	Số lượng: **03** Nam/Nữ, Nhân viên bán hàng (TNTHPT)
22		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU BẢO HƯNG PHÁT	0916992827	Số lượng: **10** Nam/Nữ, Công nhân may (CNKTKB)
23		CÔNG TY CP CÁ TRA VIỆT ÚC	02966268866	Số lượng: **01** Nam, Nhân viên cơ khí (Sơ cấp)
24		CÔNG TY TNHH MAY THỜI TRANG MINH THƯ AN GIANG	0989122515	Số lượng: **50** Nam/Nữ, Công nhân may (LĐPT)
	TỔNG			**343**

Nguồn: Khảo sát, thu thập tại các huyện, thị, thành Quí I/2023

Bản tin được tổng hợp từ nguồn dữ liệu: tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Trung tâm.

Chịu trách nhiệm xuất bản: TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM AN GIANG

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Thông tin Thị trường lao động
Điện thoại: 02963.831.123
Email: phongtttag@gmail.com
Website: ttvlangiang.gov.vn